

Văn bản: VỢ NHẬT
(Kim Lân)

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

1. Tác giả:

-Kim Lân – nhà văn gắn bó với con người, cảnh sắc nông thôn bằng tấm lòng tha thiết của một cây bút truyện ngắn tài năng. Ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống làng quê.

-Dù viết về đề tài nào ta cũng thấy hình ảnh con người làng quê Việt Nam hiện lên tuy nghèo khó, thiếu thốn nhưng vẫn lạc quan và đôn hậu. Điều đó thể hiện khá rõ qua tác phẩm “Vợ nhặt”.

2. Truyện ngắn “Vợ nhặt”

a. Xuất xứ, hcst: “Vợ nhặt” in trong tập truyện ngắn “Con chó xấu xí”. Tiền thân của thiên truyện này là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư” được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nhưng còn dang dở và mất bản thảo. Sau khi hòa bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này.

b. Chủ đề: Những con người Việt Nam lương thiện, trong tai họa đói kém khủng khiếp do thực dân, phát xít gây ra, đã cu r mang, đùm bọc nhau và hy vọng trông chờ vào sức mạnh giải phóng của Cách mạng.

c. Tóm tắt: Truyện kể về nhân vật Tràng là thanh niên nheo sống cùng mẹ già trong túp lều ở xóm ngụ cư. Trong lúc đói kém, Tràng đã có được vợ chỉ nhờ một lời đùa giỡn và bốn bát bánh đúc. Tràng dặt thị về trong sự ngạc nhiên của mọi người. May thay, bà cụ Tứ cũng chấp nhận thị. Có nàng dâu mới, gia đình Tràng ấm cúng hẳn. Tràng cũng ý thức được trách nhiệm của mình với gia đình. Dù trước mắt là cảnh đói kém, là bát cháo cám, là âm thanh tiếng trống thúc thuế...nhưng họ vẫn yêu thương nhau và tin tưởng ở tương lai.

d. Ý nghĩa nhan đề “Vợ nhặt”

-Nhan đề của thiên truyện là một kết hợp lạ lùng. Một bên là “vợ” –những người giữ thiên chức cao quý, xây tổ ấm, sanh đẻ và nuôi dạy con cái khôn lớn trưởng thành. Và một bên là sự tầm thường, rẻ rúng qua hành động “nhặt”, tức là “nhặt nhanh, nhặt vu vơ không chủ đích” (Kim Lân).

-Hơn nữa, xưa nay, việc dựng vợ, gả chồng được xem như một công việc hệ trọng trong cuộc đời người đàn ông. Dân gian đã tổng kết:

“Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà

Trong ba việc ấy thật là khó thay”

Vậy mà, trong hoàn cảnh đói khát, chết chóc năm 1945, giá trị con người rẻ mạt. Con người được đổi chác bằng một thứ thức ăn rẻ tiền và một lời tâm phào giữa đường, giữa sá. Chỉ cần bốn bát bánh đúc là anh Tràng lấy được vợ. Lấy vợ mà như nhặt được một vật rơi vãi, lấm láp, như nhặt một cọng rom, cái rác ngoài đường.

→ Nhan đề tác phẩm là những nghĩ suy, trăn trở xen lẫn nỗi xót xa về thân phận con người. Tên tác phẩm lạ, độc đáo, tạo sức hấp dẫn cho câu chuyện ngay từ đầu, đồng thời ẩn chứa nội dung tư tưởng, giá trị lên án tố cáo sâu sắc

II. NỘI DUNG

1. Bối cảnh truyện:

-Cái đói đã hành hạ người dân quê thật khủng khiếp khiến họ phải rời bỏ quê hương, dắt dìu nhau đi vật vờ như những bóng ma: **“những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ.”**

-Nó cũng tràn đến xóm ngụ cư làm cho **“người chết như ngã rạ”**, ngày nào cũng thấy **“ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường”**. **“Dưới những gốc đa gốc gạo sù sù, bóng của những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma”**.

-Không khí tràn ngập mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người... Âm thanh của **“tiếng quạ kêu từng hồi, tiếng hò khóc tử tế”** từ những gia đình có người chết đói càng thêm thảm và ghê sợ.

→Cõi âm đã lấn át cõi dương, cảnh **“màng trời chiếu đất”**. Và nhân vật ... đã xuất hiện trong bối cảnh như thế.

2. Nhân vật Tràng

a. Giới thiệu chung:

-Tràng vốn là dân ngụ cư, làm nghề kéo xe thuê, nuôi mẹ già, sống trong một túp lều rúm ró trên mảnh vườn mọc lổm nhổm những bụi cỏ dại.

-Hình dáng xấu xí, thân hình to lớn, vạm vỡ, **“cái đầu trọc nhẵn, lưng to như lưng gấu, bộ mặt thô kệch, hai con mắt nhỏ tí, quai hàm bạnh ra...”**

-Cách ăn nói của hắn thì cộc lốc, thô thiển: **“Rích bố cu, hở”**, **“làm đếch gì có vợ”**...nhưng tính tình thì vui vẻ, hiền lành, gần gũi với trẻ con.

(b. Tính cách tốt đẹp)

-Tuy nghèo về tiền bạc nhưng **Tràng là người giàu lòng nhân ái**. Thấy người đàn bà đói tuy anh không dư dả gì cũng sẵn lòng chia sẻ cái ăn. Khi cô gái khăng khăng theo

về làm vợ mình, anh không nỡ từ chối và đã cưới mang thị. Hành động này xuất phát từ tình thương người.

- Tràng là người luôn có khát vọng hạnh phúc:

+Trong cảnh đói kém thê thảm, Tràng vẫn luôn **khao khát một mái ấm gia đình, khao khát hạnh phúc** như bao nhiêu người đàn ông khác. Khi đang gò lưng kéo xe thóc, thấy mấy cô gái, Tràng đã hò : ***“Muốn ăn cơm trắng mấy giò này/ Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì”***. Ngay sau khi đẩy cô gái bốn bát bánh đúc, anh lại nói: ***“có muốn về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”***, dù là hò ***“cho đỡ nhọc”***, hay nói ***“đùa”*** thì ta vẫn thấy ẩn giấu trong những câu nói đó là **niềm khao khát về tình yêu và hạnh phúc lứa đôi**.

+Trên đường dẫn cô gái về, **anh vô cùng hạnh phúc**, mặt ***“phớn phở”***, ***“tủm tủm cười nụ một mình và hai con mắt thì sáng lên lấp lánh”***. Trong một phút, Tràng dường như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hằng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa mà chỉ cảm thấy tình nghĩa tràn ngập giữa anh với người đàn bà đi bên cạnh.

+Anh thấy gần bó hơn với nơi ở tạm bợ: ***“Bỗng hẵn thấy hẵn thương yêu gần bó hơn với ngôi nhà của mình”***. → Có ý thức bốn phận đối với gia đình: ***“Hắn có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con để cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. ..Bây giờ hẵn mới thấy hẵn nên người, hẵn thấy hẵn có bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này”***. Tình yêu thương đã làm thay đổi con người Tràng.

+Ước mơ về sự đổi đời do cách mạng đem lại. Tràng bắt đầu hướng về Việt Minh, về những người cướp kho thóc Nhật: ***“Tự dưng hẵn thấy ân hận, tiếc rẻ vẫn vợ, khó hiểu.”***. Rồi trong óc Tràng vẫn thấy ***“lá cờ đỏ bay phấp phới”***.

=>Trong khốn cùng, Tràng vẫn tồn tại một niềm tin lạc quan, hi vọng mãnh liệt vào tương lai. Niềm tin vào sức sống đó sẽ là tiền đề hướng những con người khốn khổ này đến với cách mạng, đến với những hoạt động đấu tranh giành quyền sống cho mình, cho gia đình mình.

2. Người “Vợ nhặt”

a. Giới thiệu chung:

-Người ***“vợ nhặt”*** trong tác phẩm là một con số không tròn trĩnh, không tên tuổi, không quê hương, không nghề nghiệp. Từ đầu đến cuối tác phẩm được gọi bằng nhiều cách khác nhau: ***“cô ả”***, ***“thị”***, ***“người đàn bà,...”***Chị sống bằng cách ***“nhặt hạt rơi hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm”***.....

-Chân dung chị hiện ra ngay từ đầu là những nét không mấy dễ nhìn. Đó là hình ảnh của một người đàn bà ***gầy đét, ngực lép, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt, còn quần áo thì rách như tổ đĩa...***

b. Tính cách: Gặp Tràng lần đầu, chị có vẻ dạn dĩ, tinh nghịch, chị ***“lon ton chạy lại đẩy xe cho Tràng”***, rồi ***“liếc mắt cười tít”***; gặp lần hai, thái độ và hành động của chị rất khó coi. Gặp Tràng ở ngoài cổng chợ mà thị ***“sầm sập chạy đến”***, ***“sung sĩa nói”***,

“đứng cong cớn trước mặt hẳn”...ăn xong thì **“cầm dọc đôi đũa quét ngang miệng”**...
Đã thế, thị ăn nói lại chông lòn, ghê gớm, mở miệng là **“sợ gì”, “bổ bố”**...

c.Bản chất

-Chi có lòng tự trọng: tất cả những nét đánh đá, chông lòn, chao chất ấy chỉ là cái vẻ bề ngoài mà chị phô ra để chống chọi với đời. Còn con người thật của chị, khi về với Tràng mới hiện ra một cách đầy đủ. .. Khi nhận thấy người xung quanh đang nhìn dồn cả về phái mình, **“thị càng ngượng nghịu, chân nọ bước dúi cả vào chân kia”**. Cả đến khi bước vào nhà chồng, người đàn bà ấy chỉ **“ngồi móm ở mép giường, hai tay khư khư ôm cái thúng, mặt bần thần”**, và lúc gặp bà cụ Tứ, thị vẫn e thẹn và khép nép.

->Hoàn cảnh tàn nhẫn xô đẩy thị có lúc thành kẻ cong cớn, trơ trẽn, trâng tráo, nhưng bản chất thị vẫn là người có lòng tự trọng , biết e thẹn, ngượng ngập, tủi hổ cho phận **“vợ nhặt”** của mình.

-Chi có một khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc mạnh mẽ:

+Vì đang đói nên thị quên cả ý tứ, sĩ diện tối thiểu của một người con gái. Tràng mời ăn giàu, thị từ chối và đề nghị được ăn thứ khác. Khi được ăn thì ngồi sà xuống **“cắm đầu ăn một chập bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì”**.

+Chuyện lấy chồng rất hệ trọng đối với đời người con gái, vậy mà thị đã theo không về làm vợ Tràng. Chị theo không Tràng trước hết là để có một nơi nương tựa để khỏi chết đói. Chính vì thế nên khi nhìn thấy căn lều tồi tàn thị đã **“nén một tiếng thở dài”**. Nhưng ngòi bút nhân hậu của Kim Lân không nở khoét sâu vào cảnh trớ trêu ấy. **Không tìm được sự no ấm nhưng người đàn bà đã tìm thấy sự đầm ấm của một gia đình.**

-Chi là người phụ nữ đảm đang, hiền hậu. Chị dậy rất sớm, quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng nhà cửa, sân vườn. Khi đã thành vợ Tràng, thị thay đổi hẳn **“Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là một người đàn bà đúng mực”**

-Và cũng là người có ý tứ trong cách hành xử: bung bát chè cám từ tay mẹ chồng, hai con mắt chị “tối lại” nhưng ngay lúc đó chị **“điềm nhiên và vào miệng”**. Chị không nở làm mất đi niềm vui tội nghiệp của người mẹ già nua kia. Hóa ra **“vợ nhặt” vô danh ấy không vô nghĩa** chút nào mà rất ý tứ, tế nhị trong từng hành động và ứng xử của mình.

-Chi còn là người nắm rõ tình hình thời sự, khi nghe tiếng trống thúc thuế thì cho mẹ và chồng biết trên Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa mà còn phá kho thóc của Nhật chia cho người đói. Sự hiểu biết của chị đã khơi lên trong Tràng ước mơ về sự đổi đời do cách mạng đem lại.

3.Bà cụ Tứ:

-Bà cụ Tứ là người mẹ già nua nghèo nàn, tội nghiệp, đáng thương. Bà xuất hiện vào một buổi hoàng hôn tẻ tái trong cái cảnh tối tăm đói khát, băng tuyết **“húng**

hắng ho”, hai con mắt nhập nhèm, với dáng đi “lọng khọng”, với bao lo toan, “vừa đi vừa lẩm nhẩm tính toán gì trong miệng”.

→ một người đàn bà đã vắt kiệt sức lực của mình cho năm tháng, cho tuổi trẻ và cho các con.

-Cu Tứ còn là một người mẹ nhân hậu, giàu lòng vị tha, rất mực nhạy cảm.

+ **Bà ngạc nhiên khi thấy một người đàn bà lạ trong nhà.** Khi hiểu ra, bà lão “***cúi đầu nín lặng***”. Bà vừa ái oán, vừa xót thương cho đứa con mình: “***Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi...còn mình thì...***”. Từ chỗ thương con, bà cũng xót xa cho con dâu: “***Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình***”. Nhưng bà cũng mừng cho con vì chúng đã “***phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng***”

+**Đồng thời bà không nén nỗi lo: “biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua cơn đói khát này không?”.** Và cũng như biết bao nhiêu người mẹ nhân từ khác, bà cụ Tứ cũng dặn dò con “***Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn***” Và mong cho con dâu mình hòa thuận “***Cốt làm sao chúng mày hòa thuận là u mừng rồi***”. →Cụ Tứ là một người mẹ hết lòng yêu thương con lại độ lượng nhân hậu, sẵn sàng san sẻ, đùm bọc thương yêu cô vợ “***nhật***” dù cái đói đang rập rình ở trước mắt.

-Ở bà cụ còn có niềm lạc quan và niềm tin mãnh liệt ở tương lai.

+Trước cái chết đói đang đến, bà vẫn vững tin “***Ai giàu ba họ, ai khó ba đời***” để an ủi, động viên hai con: “***rồi may ra ông trời còn cho khá***”.

+Trong bữa cơm ngày đói chỉ có “***niêu cháo loãng***” “***mỗi người được lưng lưng hai bát***”, bà lão luôn miệng “***nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này***”. Bà dí dỏm gọi nồi cháo cám là “***chè khoán***”, “***ngon đáo để***”. Bà cố tạo ra không khí lạc quan để tạo niềm vui tin thần cho các con.

=> Cụ Tứ chính là **điểm tựa diệu kì, và là vầng sáng nhiệm màu** xua tan mọi bóng đêm của nạn đói. Bà là điển hình cho những bà mẹ Việt Nam nghèo khổ nhưng rất thương con, nhân hậu, lạc quan, luôn có niềm tin vào tương lai, cuộc sống.

Bằng tất cả sự nâng niu trân trọng, Kim Lân đã **dựng lên hình ảnh chân thật và cảm động về người mẹ nông dân nghèo trong trận đói khủng khiếp năm 1945**”. Chính bà đã làm câu chuyện của anh cụ Tráng nhật được vợ trở nên thấm thía cảm động hơn, nâng truyện ngắn “***Vợ nhật***” lên tầm cao, mang chiều sâu của một truyện ngắn hiện thực - nhân bản. Để rồi tác giả đúc kết ra chân lý: “***Những người đói, họ không nghĩ đến cái chết, mà nghĩ đến cái sống***”.

III. Tổng kết

1.Nghệ thuật: “Vợ nhật” có:

-Cốt truyện tự nhiên, đơn giản, tình huống truyện độc đáo. Bố cục chặt chẽ, khéo léo làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách.

-Giọng văn mộc mạc, giản dị, ngôn ngữ đậm chất khẩu ngữ, phân tích tâm lí nhân vật tinh tế, Kim Lân đã khắc họa thành công nhân vật....

2.Nội dung: Qua truyện ngắn đặc sắc này, Kim Lân thể hiện tấm lòng nhân ái của ông đối với người nghèo khổ. Ông hiểu, cảm thông và trân trọng khát vọng hạnh phúc mãnh liệt và niềm tin vào tương lai tươi sáng của người lao động. Đồng thời, tác giả cũng **gửi gắm triết lí**: *“Những người đói, họ không nghĩ đến cái chết, mà nghĩ đến cái sống”*.

3.Giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực.

a. Giá trị nhân đạo:

-Bày tỏ sự cảm thông sâu sắc trước nỗi khổ của nhân dân qua cách miêu tả, giọng văn.

-Phát hiện và ca ngợi bản chất tốt đẹp : lòng nhân hậu của người dân Việt Nam

b. Giá trị hiện thực:

-Tác phẩm ghi lại tình cảnh bi thảm của dân tộc ta trong nạn đói 1945 bằng những hình ảnh có sức gợi tả, gợi cảm mạnh mẽ.

-Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phong kiến đã đẩy người dân vào cảnh khốn cùng.